

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 8 – KHÁNH HÒA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 42/2025/DS-ST
Ngày: 15 - 9 - 2025
V/v “*Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 8 – KHÁNH HÒA**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúc.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Lê Quang Chính.
- Ông Phú Trần Anh Vương.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hán Thị Hồng Đào - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 8 – Khánh Hòa

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8 – Khánh Hòa tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Yến Trinh - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 8 - Khánh Hòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 05/2025/TLST-DS ngày 24 tháng 7 năm 2025, về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 41/2025/QĐXXST-DS ngày 26 tháng 8 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 43/2025/QĐST-DS ngày 11 tháng 9 năm 2025, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Lê Thị Kim L - sinh năm 1972; địa chỉ: Thôn L, xã C, tỉnh Khánh Hòa (*có mặt*).

Bị đơn: Bà Phạm Thị N - sinh năm: 1981; địa chỉ: Thôn L, xã C, tỉnh Khánh Hòa (*có mặt*).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ông Trương M - sinh năm 1969; địa chỉ: Thôn L, xã C, tỉnh Khánh Hòa (*có mặt*).

- Ông Phan Cảnh C - sinh năm 1982; địa chỉ: Thôn L, xã C, tỉnh Khánh Hòa (*vắng mặt*).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 29/5/2025, các lời khai trong hồ sơ và tại phiên tòa nguyên đơn – bà Lê Thị Kim L trình bày: Vợ chồng bà và vợ chồng bà Phạm Thị N là bạn bè thân thiết với nhau từ lâu nên bà có cho vợ chồng bà N mượn tiền nhiều

lần đều không làm giấy tờ, vợ chồng bà N trả rất uy tín. Tuy nhiên, do những năm gần đây vợ chồng bà N không thực hiện đúng hạn nên ngày 16/8/2024 vợ chồng bà chốt số tiền mượn còn nợ 200.000.000đ và lập giấy vay tiền ngày 16/8/2024. Bà N hẹn đến ngày 16/8/2025 sẽ trả nhưng khi gần đến hạn bà nhắc thì bà N không gặp và không nghe điện thoại. Vì vậy, bà kiện bà N đến Tòa yêu cầu giải quyết buộc bà N trả số tiền mượn trên. Quá trình giải quyết, bà N cho rằng đã trả 10.000.000đ gốc thì bà chấp nhận. Bà xác định, số tiền trên bà N vay để làm ăn phát triển kinh tế gia đình, chồng bà N (ông Phan Cảnh C) đều biết nên yêu cầu vợ chồng bà N, ông C cùng có trách nhiệm trả. Bà không yêu cầu tính lãi.

Tại biên bản lấy lời khai 15/8/2025, các lời khai trong hồ sơ và tại phiên tòa, bị đơn bà Phạm Thị N trình bày: Bà và bà Lê Thị Kim L có mối quan hệ làm ăn cách đây 14; thời điểm đó bà vay của bà Lê Thị Kim L nhiều lần tổng cộng 450.000.000đ, lãi suất 5%/tháng (100.000.000đ mỗi tháng trả 5.000.000đ), không thể chấp tài sản gì và không lập giấy tờ. Từ khi vay, bà trả lãi đều đặn cho đến cách đây 3 năm bà vỡ nợ thì bà L thống nhất không lấy lãi nên bà chỉ trả tiền gốc đến năm 2024 tổng cộng 260.000.000đ; do bà gặp khó khăn nên bà L chốt số tiền vay còn lại 200.000.000đ và lập giấy vay tiền ngày 16/8/2025 ghi lãi suất 0%. Bà hẹn đến tháng 10 năm 2025 tiếp tục trả số tiền trên nhưng bà L không đồng ý và khởi kiện đến tòa. Quá trình Tòa án giải quyết, bà đã trả 10.000.000đ tiền gốc cho con bà L nhận 2 lần, mỗi lần 5.000.000đ; vì vậy bà chỉ đồng ý trả cho bà L số tiền nợ gốc 190.000.000đ.

Về trách nhiệm trả nợ, mục đích bà vay tiền của bà L để làm ăn buôn bán phát triển kinh tế gia đình, chồng bà là ông Phan Cảnh C đều biết. Bà có nhận Thông báo thụ lý của Tòa và báo cho ông C thì ông C có nói “vợ chồng đã trả lãi từ trước đến nay mà còn kiện” và yêu cầu bà đến Tòa xem giải quyết thế nào, sau đó ông C đi biển. Khi bà nhận Thông báo hoãn phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải của Tòa án ngày 19/8/2025 cũng như quyết định xét xử, quyết định hoãn phiên tòa đều thông báo cho ông C nhưng ông C không đồng ý trả theo yêu cầu của bà L vì cho rằng năm 2024 ông C không nhận bất cứ khoản tiền vay nào 200.000.000đ của vợ chồng bà L và không đến Tòa; vì vậy bà tự chịu trách nhiệm trả cho bà L số tiền trên, không yêu cầu ông C trả.

Tại biên bản hòa giải ngày 26/8/2025 và tại phiên tòa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – ông Trương M trình bày: Ông thống nhất lời trình bày và yêu cầu của bà L, không bổ sung gì thêm.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - ông Phan Cảnh C không chấp hành các văn bản tố tụng của Tòa án, không có văn bản nêu ý kiến.

Trong phần tranh luận, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8 – Khánh Hòa phát biểu ý kiến như sau:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của những người tiến hành tố tụng trong vụ án đã thực hiện đúng quy định của pháp luật.

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự: Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan thực hiện đầy đủ các quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật.

- Về nội dung vụ án: Bà Phạm Thị N thừa nhận có vay tiền của bà Lê Thị Kim L đến nay còn nợ số tiền 200.000.000đ và thừa nhận “giấy vay tiền” ngày 16/8/2025 do bà N ký xác nhận. Mục đích bà N vay tiền để phát triển kinh tế gia đình, chồng bà N là ông Phan Cảnh C đều biết nhưng không thừa nhận số nợ; tuy nhiên, ông C không có văn bản nêu ý kiến, không đến tòa thì tự chịu trách nhiệm về quyền phản bác. Quá trình giải quyết, bà N đã trả 10.000.000đ nên số tiền nợ còn lại 190.000.000đ; đây là số tiền chung của vợ chồng bà Lê Thị Kim L, ông Trương M nên đề nghị chấp nhận yêu cầu của bà Lê Thị Kim L buộc vợ chồng bà Phạm Thị N, ông Phan Cảnh C cùng có trách nhiệm trả số gốc tiền 190.000.000đ cho vợ chồng bà L, ông M. Bà L, ông M không yêu cầu tính lãi nên không xem xét.

Về án phí dân sự sơ thẩm, đề nghị giải quyết theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và sau khi nghe đương sự trình bày tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về việc vắng mặt của đương sự: Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – ông Phan Cảnh C đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do; căn cứ khoản 1 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông C.

[2]. Về quan hệ tranh chấp, thẩm quyền giải quyết: Bị đơn có nơi cư trú tại xã C, tỉnh Khánh Hòa nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án khu vực 8 – Khánh Hòa. Nội dung tranh chấp xuất phát từ việc cho vay nên xác định quan hệ pháp luật “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” quy định tại Điều 463 Bộ luật dân sự.

[3]. Xét nguyên đơn - bà Lê Thị Kim L khởi kiện yêu cầu giải quyết buộc vợ chồng bà Phạm Thị N trả số tiền vay còn 200.000.000đ trên cơ sở chứng cứ là “giấy vay tiền” ngày 16/8/2025. Chứng cứ này đã được bà Phạm Thị N xác định đúng sự thật. Quá trình Tòa giải quyết, bà N đã trả 10.000.000đ và bà N xác nhận số tiền nợ gốc còn lại 190.000.000đ nên căn cứ Điều 92 BLTTDS bà L không phải chứng minh.

[4]. Về trách nhiệm trả nợ: Tại biên bản hòa giải ngày 26/8/2025, bà N khẳng định: Ông C nhận được Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo mở phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và nói “vợ chồng ông đã trả lãi mà nợ có nhiều đó lại đi kiện”; khi nhận được Thông báo hoãn phiên họp công khai chứng cứ ngày 19/8/2025 ông C không thừa nhận số tiền vay trên, không đồng ý trả; tại phiên tòa bà N cho rằng ông C chỉ biết nợ bà L 30.000.000đ là không thống nhất trong lời khai. Tuy nhiên, ông C

không có văn bản nêu ý kiến là tự tước bỏ quyền phản bác, không thực hiện nghĩa vụ chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 91 BLTTDS nên phải tự chịu trách nhiệm. Quá trình giải quyết và tại phiên tòa, bà N xác nhận vay tiền của bà L nhằm mục đích phát triển kinh tế gia đình trong thời kỳ hôn nhân nên có đủ căn cứ xác định số tiền nợ 190.000.000đ là nợ chung của vợ chồng bà N, ông C. Số tiền này là tài sản chung của vợ chồng bà L, ông M nên chấp nhận yêu cầu của bà L buộc vợ chồng bà N, ông C có trách nhiệm trả cho vợ chồng bà L, ông M số tiền trên. Bà L, ông M không yêu cầu tính lãi phát sinh nên không xem xét.

Từ phân tích, đánh giá trên chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa, chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà Lê Thị Kim L; buộc vợ chồng bà Phạm Thị N, ông Phan Cảnh C cùng có trách nhiệm trả cho vợ chồng bà Lê Thị Kim L, ông Trương M số tiền gốc vay còn nợ 190.000.000đ.

[5]. Quá trình giải quyết, bà N trình bày đã trả lãi cho bà L trên số tiền vay 450.000.000đ nhưng không có chứng cứ chứng minh, bà N cũng không yêu cầu gì nên không xem xét.

[6]. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội: Vợ chồng bà Phạm Thị N, ông Phan Cảnh C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm tương ứng với nghĩa vụ trả nợ $190.000.000đ \times 5\% = 9.500.000đ$. Bà L không phải chịu án phí nên hoàn trả lại số tiền bà L đã tạm ứng án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 1 Luật số: 85 về sửa đổi, bổ sung một số Điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 463, 466 Bộ luật Dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Kim L.

Buộc vợ chồng bà Phạm Thị N, ông Phan Cảnh C có nghĩa vụ trả cho vợ chồng bà Lê Thị Kim L, ông Trương M số tiền gốc vay còn nợ 190.000.000đ (*một trăm chín mươi triệu đồng*).

Về án phí: Buộc bà Phạm Thị N phải chịu 9.500.000đ (*chín triệu năm trăm ngàn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho bà Lê Thị Kim L số tiền 5.000.000đ (*năm triệu đồng*) tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0000426 ngày 24/7/2025 của Cơ quan Thi hành án dân sự tỉnh Khánh Hòa.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các

khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 BLDS năm 2015.

Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt bản án hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND khu vực 8 – Khánh Hòa;
- THADS tỉnh Khánh Hòa;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Nguyễn Thị Thức

